

**Công ty CP Chứng khoán
VNDIRECT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Số: 956 /2025/BC-QTRR

Hà Nội, ngày 06 tháng 10 năm 2025

**BÁO CÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN
GIAO DỊCH KÝ QUỸ**

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam

Công ty cổ phần chứng khoán VNDIRECT xin báo cáo Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ từ ngày 01/09/2025 đến 30/09/2025 năm 2025 như sau:

- Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh:

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	AAA			AAA
2	ACB			ACB
3	ACC			ACC
4	ACG			ACG
5	ACL			ACL
6	ADS			ADS
7	AGG			AGG
8	AGR			AGR
9	ANV			ANV
10	ASM			ASM
11	AST			AST



STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
12	BAF			BAF
13	BCM			BCM
14	BFC			BFC
15	BIC			BIC
16	BID			BID
17	BMC			BMC
18	BMI			BMI
19	BMP			BMP
20	BSI			BSI
21	BSR			BSR
22	BVH			BVH
23	BWE			BWE
24	C32	C32		
25	CCL			CCL
26	CDC			CDC
27	CHP			CHP
28	CII			CII
29	CKG			CKG
30	CLC			CLC
31	CLL			CLL
32	CMG			CMG

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
33	CNG			CNG
34	CRC			CRC
35	CSM			CSM
36	CSV			CSV
37	CTD			CTD
38	CTF			CTF
39	CTG			CTG
40	CTI			CTI
41	CTR			CTR
42	CTS			CTS
43	CVT			CVT
44	D2D			D2D
45	DBC			DBC
46	DBD			DBD
47	DC4			DC4
48	DCL			DCL
49	DCM			DCM
50	DGC			DGC
51	DGW			DGW
52	DHA			DHA
53	DHC			DHC

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
54	DHG			DHG
55	DIG			DIG
56	DMC			DMC
57	DPG			DPG
58	DPM			DPM
59	DPR			DPR
60	DRC			DRC
61	DSC			DSC
62	DSE			DSE
63	DSN			DSN
64	DVP			DVP
65	DXG			DXG
66	DXS			DXS
67	EIB			EIB
68	ELC			ELC
69	EVF			EVF
70	FCN			FCN
71	FIR			FIR
72	FIT			FIT
73	FMC			FMC
74	FPT			FPT

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
75	FRT			FRT
76	FTS			FTS
77	GAS			GAS
78	GDT			GDT
79	GEE			GEE
80	GEG			GEG
81	GEX			GEX
82	GIL	GIL		
83	GMD			GMD
84	GSP			GSP
85	GVR			GVR
86	HAH			HAH
87	HAX			HAX
88	HCD			HCD
89	HCM			HCM
90	HDB			HDB
91	HDC			HDC
92	HDG			HDG
93	HHP			HHP
94	HHS			HHS
95	HHV			HHV

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
96	HPG			HPG
97	HPX			HPX
98	HQC			HQC
99	HSG			HSG
100	HT1			HT1
101	HTG			HTG
102	HTI			HTI
103	HTN			HTN
104	HUB			HUB
105	HVH			HVH
106	ICT			ICT
107	IDI			IDI
108	IJC			IJC
109	ILB			ILB
110	IMP			IMP
111	ITC			ITC
112	ITD			ITD
113	KBC			KBC
114	KDC			KDC
115	KDH			KDH
116	KHG			KHG

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
117	KHP			KHP
118	KSB			KSB
119	LBM			LBM
120	LCG			LCG
121	LHG			LHG
122	LIX			LIX
123	LPB			LPB
124	LSS			LSS
125	MBB			MBB
126	MCM			MCM
127	MIG			MIG
128	MSB			MSB
129	MSH			MSH
130	MSN			MSN
131	MWG			MWG
132	NAB			NAB
133	NAF			NAF
134	NBB			NBB
135	NCT			NCT
136	NHA			NHA
137	NHH			NHH

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
138	NKG			NKG
139	NLG			NLG
140	NNC			NNC
141	NO1			NO1
142	NSC			NSC
143	NT2			NT2
144	NTL			NTL
145	OCB			OCB
146	PAC			PAC
147	PAN			PAN
148	PC1			PC1
149	PDR			PDR
150	PET			PET
151	PGC			PGC
152	PGD			PGD
153	PHC			PHC
154	PHR			PHR
155	PLX			PLX
156	PNJ			PNJ
157	POW			POW
158	PPC			PPC

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
159	PTB			PTB
160	PVD			PVD
161	PVP			PVP
162	PVT			PVT
163	RAL			RAL
164	REE			REE
165	SAB			SAB
166	SAM			SAM
167	SBA			SBA
168	SBG			SBG
169	SBT			SBT
170	SCR			SCR
171	SCS			SCS
172	SFG			SFG
173	SFI			SFI
174	SGN			SGN
175	SGR			SGR
176	SGT			SGT
177	SHB			SHB
178	SHI			SHI
179	SIP			SIP

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
180	SJD			SJD
181	SJS			SJS
182	SKG			SKG
183	SMB			SMB
184	SRC			SRC
185	SSB			SSB
186	SSI			SSI
187	ST8			ST8
188	STB			STB
189	STK			STK
190	SVC			SVC
191	SZC			SZC
192	SZL			SZL
193	TCB			TCB
194	TCH			TCH
195	TCI			TCI
196	TCL			TCL
197	TCM			TCM
198	TCO			TCO
199	TDC			TDC
200	TDM			TDM

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
201	TDP			TDP
202	THG			THG
203	TIP			TIP
204	TLG			TLG
205	TMS			TMS
206	TNH	TNH		
207	TPB			TPB
208	TRA			TRA
209	TRC			TRC
210	TTA			TTA
211	TV2			TV2
212	TVS			TVS
213	TYA			TYA
214	VCB			VCB
215	VCG			VCG
216	VCI			VCI
217	VDS			VDS
218	VFG			VFG
219	VGC			VGC
220	VHC			VHC
221	VHM			VHM

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
222	VIB			VIB
223	VIC			VIC
224	VIP			VIP
225	VIX			VIX
226	VJC			VJC
227	VNM			VNM
228	VPB			VPB
229	VPG			VPG
230	VPH	VPH		
231	VPI			VPI
232	VRC			VRC
233	VRE			VRE
234	VSC			VSC
235	VTO	VTO		
236	VTP			VTP
237	YEG			YEG

- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội:

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	BAB			BAB
2	BVS			BVS
3	CAP			CAP
4	CDN			CDN
5	CEO			CEO
6	CSC			CSC
7	DHT			DHT
8	DL1			DL1
9	DNP			DNP
10	DP3			DP3
11	DTD			DTD
12	DVM			DVM
13	DXP			DXP
14	HLD			HLD
15	HUT			HUT
16	HVT			HVT
17	IDC			IDC
18	IDV			IDV
19	IPA			IPA
20	IVS			IVS

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
21	KHS			KHS
22	KSV			KSV
23	L14			L14
24	L18			L18
25	LAS			LAS
26	LHC			LHC
27	LIG			LIG
28	MBG			MBG
29	MBS			MBS
30	NAG			NAG
31	NBC			NBC
32	NDN			NDN
33	NET			NET
34	NTP			NTP
35	PGS			PGS
36	PLC			PLC
37	PPT			PPT
38	PSD			PSD
39	PSI			PSI
40	PTI			PTI
41	PVB			PVB

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
42	PVC			PVC
43	PVI			PVI
44	PVS			PVS
45	S99			S99
46	SCG			SCG
47	SHS			SHS
48	SJE			SJE
49	SLS			SLS
50	TDT			TDT
51	TMB			TMB
52	TNG			TNG
53	TPP			TPP
54	TVD			TVD
55	VC3			VC3
56	VC7			VC7
57	VCS			VCS
58	VFS			VFS
59	VGS			VGS
60	VNR			VNR
61	VTZ			VTZ

Đường link đăng tải thông tin nói trên trên website của công ty:

https://www.vndirect.com.vn/danh_muc_quan_he_co_dong/cong-bo-thong-tin/

Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của báo cáo này.

Kính báo cáo Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam.

Người lập



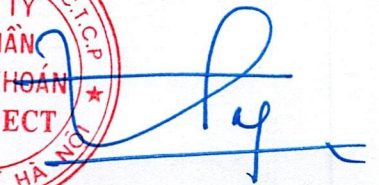
Nguyễn Thị Liên

Người duyệt



Nguyễn Lê Nam

Tổng giám đốc



Nguyễn Vũ Long